

Bạc Liêu, ngày 13 tháng 11 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHBL ngày 13 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu)

Tên chương trình đào tạo:	Chăn nuôi
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Chăn nuôi
Mã số:	7620105
Chuyên ngành đào tạo:	Chăn nuôi thú y

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Chăn nuôi, chuyên ngành Chăn nuôi thú y có kiến thức chuyên ngành vững chắc; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên vận dụng khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến khoa học chọn giống và nhân giống, dinh dưỡng, quy trình kỹ thuật chăn nuôi, vệ sinh và phòng, trị bệnh vật nuôi.

Sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, học tập suốt đời, khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa; có năng lực ngoại ngữ phù hợp và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.

Sinh viên có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn; học tập sau đại học ngành Chăn nuôi, chuyên ngành Chăn nuôi thú y và các ngành có liên quan.

2. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Mô tả	TĐNL
I	Kiến thức		
1	PLO1	Áp dụng khối kiến thức giáo dục đại cương vào các vấn đề của lĩnh vực chăn nuôi.	3
2	PLO2	Phân tích quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng, thiết kế chuồng trại; chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh trên gia súc, gia cầm và thú cưng.	4
II	Kỹ năng		
3	PLO3	Tích hợp kiến thức đã học để chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi; chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh trên vật nuôi: gia súc, gia cầm và thú cưng.	4
4	PLO4	Thực hiện các vấn đề trong nghiên cứu và thực tế sản xuất, truyền đạt, phản biện các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y.	3
5	PLO5	Thực hiện kế hoạch khởi nghiệp, sản xuất, kinh doanh trong các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y.	3
III	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
6	PLO6	Đề xuất các nguyên tắc chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi theo Luật Chăn nuôi - Thú y.	3
7	PLO7	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, đề xuất và phản biện được các biện pháp quản lý chăn nuôi theo hướng phát triển bền vững.	3

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 127 TC (không kể số tín chỉ cho học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và các học phần Giáo dục thể chất).

Trong đó: + Số tín chỉ bắt buộc: 85 TC (66,9%)

+ Số tín chỉ tự chọn: 42 TC (33,1%)

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1. Phạm vi và đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên.

- Phạm vi tuyển sinh toàn quốc.

4.2. Phương thức tuyển sinh

Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Bạc Liêu và được cập nhật hàng năm trên trang web tuyển sinh của Trường.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHBL ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

6. Phương thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHBL ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	MSHP	KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	SỐ TC
1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	36
1.1		Các học phần bắt buộc	30
1	SS0010	Tin học căn bản	3
2	SS0011	Tiếng Anh căn bản 1	3
3	SS0012	Tiếng Anh căn bản 2	3
4	SS0013	Tiếng Anh căn bản 3	3
5	SS0014	Pháp luật đại cương	2
6	SS0015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
7	SS2001	Triết học Mác - Lênin	3
8	SS2002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
9	SS2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
10	SS0004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
11	SS2005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
12	SS2006	Sinh học đại cương	3
1.2		Các học phần tự chọn	6
13	SS0016	Tâm lý học đại cương (*)	2
14	SS2008	Toán cao cấp (*)	2

15	SS2009	Xác suất thống kê (*)	2
16	SS2010	Vật lý đại cương (*)	2
17	SS2011	Kinh tế học đại cương (*)	2
18	SS2012	Hóa học đại cương (*)	2
1.3		<i>Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>	
19	SS0030	Giáo dục thể chất (**)	3
20	SS0031	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (**)	11
2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91
2.1		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	26
2.1.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	18
21	AS2100	Cơ thể học động vật	2
22	AS2101	Dinh dưỡng động vật	2
23	AS2102	Sinh lý động vật	2
24	AS2103	Vi sinh Chăn nuôi - Thú y	2
25	AS2104	Tiếng Anh chuyên ngành	2
26	AS2105	Dược lý thú y	2
27	AS2106	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	2
28	AS2107	Di truyền học động vật	2
29	AS2108	Thức ăn chăn nuôi	2
2.1.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	8
30	AS2109	Tổ chức học động vật (*)	2
31	AS2110	Động vật học (*)	2
32	AS2111	Sinh học phân tử (*)	2
33	AS2112	Hóa sinh động vật (*)	2
34	AS2113	Vệ sinh môi trường chăn nuôi (*)	2
35	AS2114	Miễn dịch học (*)	2

36	AS2115	Dịch tễ học (*)	2
37	AS2116	Dược liệu thú y (*)	2
2.2		Kiến thức ngành và chuyên ngành	41
2.2.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>29</i>
38	AS2200	Chăn nuôi gia cầm	3
39	AS2201	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3
40	AS2202	Chăn nuôi heo	3
41	AS2203	Bệnh truyền nhiễm thú y	2
42	AS2204	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo	3
43	AS2205	Thực tập tay nghề 1	2
44	AS2206	Thực tập tay nghề 2	4
45	AS2207	Thực tập tay nghề 3	3
46	AS2208	Tham quan thực tế Chăn nuôi - Thú y	2
47	AS2221	Chẩn đoán thú y	2
48	AS2222	Bệnh chó mèo	2
2.2.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>12</i>
49	AS2211	Chăn nuôi động vật hoang dã (*)	2
50	AS2212	Chăn nuôi thỏ (*)	2
51	AS2215	Bệnh ký sinh vật nuôi (*)	2
52	AS2216	Nội khoa (*)	2
53	AS2217	Ngoại khoa (*)	2
54	AS2218	Khuyến nông (*)	2
55	AS2220	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (*)	2
56	AS2223	Bệnh dinh dưỡng (*)	2
57	AS2224	Công nghệ sinh học chăn nuôi thú y (*)	2
58	AS2225	Vắc xin và chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh vật nuôi (*)	2

2.3		<i>Kiến thức bổ trợ</i>	14
2.3.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	8
59	AS2300	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	2
60	AS2301	Xây dựng chuồng trại	2
61	AS2302	Luật Chăn nuôi - Thú y	2
62	AS2303	Quản lý sản xuất chăn nuôi	2
2.3.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	6
63	AS2304	Kỹ năng mềm (*)	2
64	AS2305	Biến đổi khí hậu trong chăn nuôi (*)	2
65	AS2306	Marketing trong nông nghiệp (*)	2
66	AS2307	Trồng trọt đại cương (*)	2
67	AS2308	Ngư nghiệp đại cương (*)	2
68	AS2309	Ứng dụng GIS và Viễn thám trong nông nghiệp (*)	2
69	AS2310	Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án (*)	2
2.4		<i>Thực tập nghề nghiệp và làm Khoá luận tốt nghiệp</i>	10
70	AS2400	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10
71	AS2401	Tiểu luận tốt nghiệp (*)	4
72	AS2402	Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành (*)	3
73	AS2403	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành (*)	3
74	AS2404	Thực tập tốt nghiệp (*)	4
75	AS2405	Độc chất học thú y (*)	2
76	AS2406	Chăn nuôi dê (*)	2
77	AS2407	Hệ thống chăn nuôi (*)	2

Ghi chú:

- Học phần (*): Tự chọn.

- Học phần (**): Điều kiện bắt buộc phải có, nhưng không tính trong trung bình chung tích lũy.

7.2. Mô tả các học phần

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1. Tin học căn bản (SS0010)

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.

2. Tiếng Anh căn bản 1 (SS0011)

Tiếng Anh căn bản 1 hàm chứa kiến thức tiếng Anh thông dụng thể hiện qua các kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết nhằm đáp ứng cho sinh viên đạt đến mức độ tương đương bậc A2 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và theo Quy định của Nhà trường về các chủ đề đời sống xã hội, giao thông, thi đua và thách thức.

3. Tiếng Anh căn bản 2 (SS0012)

Tiếng Anh căn bản 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học cho sinh viên không chuyên Ngôn Ngữ Anh trường Đại học Bạc Liêu. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản nhằm giúp sinh viên đạt được kết quả ở Mức 2 (Sơ cấp 2 - A2) của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định chuẩn ngoại ngữ của nhà trường. Ngoài ra, qua học phần này, sinh viên được rèn khả năng tự học, tự nghiên cứu, có tinh thần, trách nhiệm học tập tích cực.

4. Tiếng Anh căn bản 3 (SS0013)

Tiếng Anh căn bản 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh ở mức độ trung cấp và kỹ năng thực hành ngoại ngữ này thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống và công việc, hướng đến nâng cao năng lực ngoại ngữ của sinh viên đáp ứng trình độ B1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo quy định của thông tư 01/2014/TT-BGDĐT trong học tập, nghiên cứu tài liệu nước ngoài và cơ hội tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

5. Pháp luật đại cương (SS0014)

Pháp luật đại cương là một trong những học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chuyên ngành Chăn nuôi thú y. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng, hiểu biết cơ bản về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Đồng thời nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật phòng, chống tham nhũng, nâng cao nhận thức và sự hiểu biết, trách nhiệm về phòng chống tham nhũng trong sinh viên nên học phần còn bao gồm nội dung phổ biến Luật phòng chống tham nhũng hiện hành đến với người học.

6. Phương pháp nghiên cứu khoa học (SS0015)

Học phần cung cấp những thông tin, những kiến thức cơ bản, các bước trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thí nghiệm, thu thập số liệu, phương pháp xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cách trình bày các kết quả nghiên cứu, cách viết bài báo cáo khoa học và cách thuyết trình trước đám đông.

7. Triết học Mác - Lênin (SS2001)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin:

- Khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin.
- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

8. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (SS2002)

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên không chuyên Lý luận chính trị. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin như: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam.

9. Chủ nghĩa xã hội khoa học (SS2003)

Học phần giúp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH): quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; dân chủ XHCN và nhà nước XHCN; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc và tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

10. Tư tưởng Hồ Chí Minh (SS0004)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Người về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Từ đó, sinh viên thấy được sự vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước, giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

11. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (SS2005)

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước (1945 - 1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).

Qua đó, khẳng định những thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, cũng như vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

12. Sinh học đại cương (SS2006)

- Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành nông nghiệp kiến thức đại cương về sinh học tế bào, di truyền học đại cương, tổ chức cơ thể động thực vật. Học phần tập trung vào một số nội dung chính: Cấu trúc tế bào, Cấu trúc của màng tế bào, Sự trao đổi chất qua màng tế bào, Sự quang hợp, Sự hô hấp tế bào, Nhiễm sắc thể và sự phân bào, Di truyền học cổ điển, Cơ sở phân tử của sự di truyền, Sinh tổng hợp protein, Kiểm soát sự biểu hiện của gen, Kỹ thuật di truyền, Tổ chức cơ thể thực vật, Các thuyết tiến hóa, Biến dị di truyền và chọn lọc tự nhiên, Nguồn gốc sự sống và sự hình thành loài.

- Học phần tập trung vào một số nội dung chính trong phần thực hành: Cách sử dụng kính hiển vi, kính nổi và thực hiện tiêu bản tạm thời, Cấu tạo tế bào thực vật, và thí nghiệm chứng minh sự trương nước và co nguyên sinh, Sự nguyên phân, Sự giảm phân, Mô thực vật, Khảo sát hoạt tính enzym và chiết suất ADN.

13. Tâm lý học đại cương (SS0016)

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; hoạt động và giao tiếp; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

14. Toán cao cấp (SS2008)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính, bao gồm: định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính; các kiến thức cơ bản về giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân của hàm một biến, tích phân suy rộng; giới hạn, tính liên tục, phép tính vi tích phân và cực trị hàm nhiều biến.

15. Xác suất thống kê (SS2009)

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và các phương pháp thống kê. Môn học này giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các khái niệm xác suất trong việc mô hình hóa các vấn đề thực tế, cũng như phát triển kỹ năng phân tích dữ liệu và quyết định dựa trên phân tích thống kê. Học phần gồm các chủ đề như biến ngẫu nhiên, phân phối xác suất, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, và hồi quy. Môn học này hữu ích đối với sinh viên ngành nông nghiệp với yêu cầu tư duy phân tích dữ liệu.

16. Vật lý đại cương (SS2010)

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về các dạng chuyển động của chất điểm; Các lực liên kết tác dụng lên vật; Ba định luật bảo toàn; Mối quan hệ giữa các thông số trạng thái, Phương trình của khí thực và khí lý tưởng; Trường tĩnh điện - sự tương tác giữa các hạt mang điện đứng yên, Giới thiệu các loại mạch điện và các thiết bị điện cơ bản, từ trường, hiện tượng cảm ứng điện từ; Tính chất của ánh sáng khi truyền qua các môi trường, lăng kính, thấu kính, các hiện tượng giao thoa, khúc xạ, nhiễu xạ ánh sáng.

17. Kinh tế học đại cương (SS2011)

Học phần gồm có 3 phần, Phần chung, phần kinh tế vi mô và phần kinh tế vĩ mô. Nội dung chính thuộc 2 lĩnh vực: Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô bao gồm lý thuyết về cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường; lý thuyết về thị hiếu của người tiêu dùng; lý thuyết của nhà sản xuất; lý thuyết về xác định sản lượng quốc gia (GDP, GNP, CPI...); lý thuyết về tiền tệ và lạm phát; lý thuyết về thất nghiệp.

18. Hóa học đại cương (SS2012)

Môn học Hóa Đại cương bao gồm Cấu tạo chất và Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học tạo điều kiện để sinh viên có thể học tốt các môn học khác của ngành đào tạo. Học phần này cũng nhằm giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức thực hành cơ bản, qua đó rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, các số liệu, hiện tượng quan sát được.

19. Giáo dục thể chất (SS0030)

- Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 2: Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học (chạy 100m, nhảy xa, nhảy cao, đẩy tạ), các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn, phương pháp trọng tài và thi đấu, phương pháp tổ chức giảng dạy. Các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập, các bài tập thả lỏng và hồi phục sau tập luyện môn Điền kinh.

- Giáo dục thể chất 3 - Bơi lội: Thông qua môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về môn Bơi lội (mô tả môn học), giúp sinh viên rèn luyện sức khỏe. Bơi lội là môn thể thao rèn luyện năng lực vận động của con người ở môi trường nước, có tác dụng củng cố, tăng cường và nâng cao sức khỏe, có tính thực dụng rất lớn đối với hoạt động sản xuất, chiến đấu, chữa bệnh cũng như thi đấu thể thao. Vì vậy, bơi lội là một trong những môn học cơ bản và bắt buộc trong kế hoạch đào tạo các môn thể thao của nhà trường.

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

20. Cơ thể học động vật (AS2100)

Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Giới thiệu tổng quan về cơ thể học vật nuôi; Đặc điểm cấu tạo của bộ xương gia súc, gia cầm, các loại khớp trong một cơ thể; Đặc điểm cấu tạo, vị trí, chức năng của hệ cơ, hệ thần kinh, mạch máu, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu-sinh dục, chức năng hoạt động của hệ nội tiết, cơ quan cảm giác trong cơ thể và đặc điểm, cấu tạo cơ thể học của gia cầm.

21. Dinh dưỡng động vật (AS2101)

Học phần giới thiệu về dinh dưỡng học, cấu tạo hoá học của cơ thể động vật và thức ăn, sự tiêu hoá và hấp thu các chất như protein, carbohydrate, chất béo, khoáng và các acid amin. Học phần này cũng giới thiệu về hệ thống giá trị dinh dưỡng, mức tiêu hoá, chỉ số protein và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cho nhu cầu duy trì, tăng trưởng, sinh sản, sản xuất trứng và sữa.

22. Sinh lý động vật (AS2102)

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức nghiên cứu về các hoạt động sống của những động vật đã được con người chọn lọc cải tạo qua một thời gian dài. Trọng tâm của học phần đi sâu vào những kiến thức về các hoạt động sinh lý ở các tổ chức, cơ quan trong cơ thể các loài gia súc gia cầm. Vận dụng kiến thức vào giải thích các quá trình dinh dưỡng và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất để phục vụ nhu cầu của con người.

23. Vi sinh Chăn nuôi - Thú y (AS2103)

Nội dung học phần tập trung vào hai phần chính là phần vi sinh vật học đại cương, vi khuẩn học, virus học. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về lịch sử quá trình phát sinh và phát triển của ngành vi sinh vật, những thành tựu đã đạt được và những triển vọng của ngành vi sinh vật đối với đời sống và sản xuất. Trọng tâm của môn học đi sâu vào những kiến thức về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật.

24. Tiếng Anh chuyên ngành (AS2104)

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, các thuật ngữ chuyên ngành về Chăn nuôi và Thú y; Cụ thể là, dinh dưỡng động vật; thức ăn chăn nuôi; cấu tạo và các bệnh liên quan đến hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, hệ sinh dục; các bệnh truyền nhiễm và dược lý thú y.

25. Dược lý thú y (AS2105)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thuốc (tác dụng, tương tác, công dụng, liều dùng,...). Từ đó sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để sử dụng thuốc có hiệu quả hơn trong việc phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, nên sẽ tiếp thu tốt phần điều trị trong các môn học như: bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh,...

26. Chọn giống và nhân giống vật nuôi (AS2106)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử công tác giống, quá trình hình thành giống vật nuôi, các quy luật phát triển của vật nuôi, các phương pháp đánh giá vật nuôi, chọn lọc, phối giống, nhân giống vật nuôi, ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác chọn giống vật nuôi.

27. Di truyền học động vật (AS2107)

Sinh viên sẽ được học về di truyền học cổ điển, di truyền học Mendel về quan niệm gen, quy luật giao tử thuần khiết, lai đơn tính, lai với hai hay nhiều cặp tính trạng, di truyền nhiễm sắc thể, di truyền học quần thể, bản chất của vật chất di truyền và tương tác gen.

28. Thức ăn chăn nuôi (AS2108)

Học phần này giới thiệu về đặc tính dinh dưỡng cũng như các độc tố của từng loại thực liệu thức ăn, phương pháp chế biến và phối hợp thức ăn cho vật nuôi.

29. Tổ chức học động vật (AS2109)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về cấu tạo, nhiệm vụ và phân loại biểu mô, mô liên kết, mô cơ và mô thần kinh; đặc điểm vi thể của các hệ thống: nội tiết, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và sinh dục trong cơ thể động vật.

30. Động vật học (AS2110)

Cung cấp cho sinh viên có kiến thức khái quát về toàn bộ ngành động vật trong sinh giới từ bậc thấp tới bậc cao. Cung cấp kiến thức về đặc điểm cấu tạo, sinh thái học và phân loại động vật. Đây là cơ sở để sinh viên có thể tiếp tục các môn chuyên ngành cơ thể học động vật, sinh lý động vật,...

31. Sinh học phân tử (AS2111)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ gen; mối liên hệ giữa ADN, ARN và protein; xác định mối quan hệ giữa protein và đặc tính của sinh vật và một số phương pháp và ứng dụng cơ bản của sinh học phân tử. Từ đó, giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu các học phần chuyên ngành và có khả năng vận dụng vào thực tiễn ngành học.

32. Hóa sinh động vật (AS2112)

Môn học cung cấp cho sinh viên cơ bản về cấu tạo, thành phần hóa học, mối liên quan giữa cấu trúc và chức năng, các quá trình chuyển hóa hóa học của các chất trong

hoạt động sống xảy ra trong cơ thể động vật. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập môn học này sẽ giúp học viên sử dụng trong việc nghiên cứu quá trình sinh bệnh, thực hiện các xét nghiệm hóa sinh máu và nước tiểu phục vụ trong công tác chẩn đoán theo dõi và điều trị bệnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

33. Vệ sinh môi trường chăn nuôi (AS2113)

Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên về vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động của ngành chăn nuôi và thú y. Biết được cách quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi để tái sử dụng trong trồng trọt, sản xuất thức ăn gia súc, Biogas và thủy sản; Các mô hình xử lý chất thải tại các trang trại Chăn nuôi; Vệ sinh nguồn nước và Chăn nuôi sạch.

34. Miễn dịch học (AS2114)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể, cấu trúc và chức năng của kháng nguyên và kháng thể, đáp ứng và cơ chế điều hoà đáp ứng miễn dịch, nguyên lý kết hợp đặc hiệu giữa kháng nguyên và kháng thể, các kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong chẩn đoán bệnh và nguyên lý bảo quản và sử dụng các loại vắc xin phòng bệnh trên vật nuôi.

35. Dịch tễ học (AS2115)

Dịch tễ học là học phần ứng dụng thống kê để nghiên cứu sự phân bố bệnh, các yếu tố liên quan đến bệnh trong một quần thể. Ứng dụng trong việc xác định nguyên nhân gây bệnh và kiểm soát dịch bệnh. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học sẽ giúp sinh viên giải quyết các vấn đề có liên quan đến sức khỏe, dịch bệnh của động vật, nghiên cứu xác định nguyên nhân gây bệnh cùng các yếu tố nguy cơ hình thành dịch bệnh, từ đó định hướng cho công tác phòng chống bệnh động vật.

36. Dược liệu thú y (AS2116)

Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược liệu (cây, con và khoáng vật) làm thuốc phòng - trị bệnh cho gia súc, gia cầm cũng như quy trình kỹ thuật khi nhận biết, chiết xuất những nhóm hoạt chất chủ yếu có trong dược liệu để sử dụng chúng như là các “dược chất” dùng sản xuất thuốc thú y phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

37. Chăn nuôi gia cầm (AS2200)

Học phần giới thiệu cho sinh viên về ý nghĩa kinh tế của ngành chăn nuôi gia cầm, đặc điểm sinh học và sản xuất của gia cầm, kỹ thuật ấp trứng, giống và công tác giống gia cầm, dinh dưỡng và thức ăn gia cầm, giới thiệu kỹ thuật chăn nuôi gia cầm chủ yếu là gà và vịt. Bên cạnh đó, học phần này cũng cung cấp kiến thức về vệ sinh phòng và trị bệnh cho gia cầm.

38. Chăn nuôi gia súc nhai lại (AS2201)

Học phần bao gồm những kiến thức về những lợi ích, nhiệm vụ và các hoạt động chăn nuôi trâu, bò, dê và cừu. Những đặc điểm sinh học, tập tính và tiềm năng của GSNL về gìn giữ môi trường, sản xuất ra những sản phẩm như thịt, sữa, lông da, sức kéo, năng lượng, dược liệu. Mô tả kiến thức chi tiết về di truyền, giống, chuồng trại, dinh dưỡng, thức ăn, kỹ thuật nuôi dưỡng và phòng trị bệnh trong chăn nuôi GSNL.

39. Chăn nuôi heo (AS2202)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức quan trọng như: Giống và

công tác giống heo phải là tiền đề tốt; Thức ăn và khẩu phần ăn phải phù hợp với chức năng sinh lý và nhu cầu dinh dưỡng của từng loại heo; Chuồng trại phải tiện lợi và hợp vệ sinh giúp heo phát huy tối đa về năng suất và chất lượng; Kỹ thuật chăm sóc – nuôi dưỡng từng loại heo; Tổ chức và quản lý chăn nuôi hợp lý nhằm hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

40. Bệnh truyền nhiễm thú y (AS2203)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh trên động vật, cơ chế lây bệnh, sự phát sinh dịch bệnh, đặc tính miễn dịch của cơ thể động vật đối với vi sinh vật gây bệnh. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm. Sinh viên cũng sẽ được cung cấp kiến thức về cách mổ khám, cách lấy máu, cách chẩn đoán bệnh, cách bảo quản, sử dụng, sản xuất vắc xin và kháng huyết thanh để phòng và trị bệnh gia súc, gia cầm.

41. Sản khoa và gieo tinh nhân tạo (AS2204)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sản khoa và gieo tinh nhân tạo: Phần sản khoa: sinh lý sinh sản gia súc đực và cái, kỹ thuật xác định gia súc lên giống, kỹ thuật chẩn đoán gia súc có thai, kỹ thuật đỡ đẻ và can thiệp để khó ở gia súc; Phần gieo tinh nhân tạo: phương pháp lấy tinh, kiểm tra – đánh giá chất lượng tinh dịch, kỹ thuật gieo tinh nhân tạo, công nghệ sản xuất tinh đông lạnh, công nghệ bảo tồn tinh dịch.

42. Thực tập tay nghề 1 (AS2205)

Học phần này nhằm mục đích củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác phòng chữa bệnh tại các cơ sở thú y địa phương. Qua đó, sinh viên vừa được rèn nghề, cũng như tiếp thu những kiến thức thực tế trong công tác chuyên môn của mình.

43. Thực tập tay nghề 2 (AS2206)

Học phần này sinh viên sẽ được gởi thực tập thực tế 180 giờ tại các trang trại ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hoặc Miền Đông Nam Bộ. Tùy theo cơ sở thực tập, đối tượng vật nuôi mà sinh viên nắm vững các công việc được thực hiện hàng ngày ở trang trại; vận dụng các kiến thức đã được học vào thực tế chăn nuôi; đồng thời có sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật, chủ trại giúp sinh viên có được các kiến thức thực tế và kỹ năng sống, làm việc.

44. Thực tập tay nghề 3 (AS2207)

Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành về chẩn đoán xét nghiệm, bệnh truyền nhiễm, dược lý thú y,... bằng cách tham gia thực tế chuyên môn như chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho thú cưng.

45. Tham quan thực tế Chăn nuôi - Thú y (AS2208)

Giúp cho sinh viên hệ thống lại kiến thức các môn học, đặc biệt là ở các vùng sinh thái (ĐBSCL, miền đông nam bộ, duyên hải, cao nguyên), khí hậu và địa hình khác nhau. Tham quan thực tế CNTY còn là cơ hội để sinh viên tiếp cận các kỹ thuật tiên bộ mới, khu chăn nuôi công nghệ cao của Qua đợt thực tập này, sinh viên còn được bổ sung thêm kiến thức cho các môn học, đồng thời cũng giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức, định hướng được tầm quan trọng ngành nghề của mình trong việc phát triển nông nghiệp.

46. Chẩn đoán thú y (AS2221)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chẩn đoán bệnh, các phương pháp khám bệnh thông thường, trình tự khám bệnh từ tổng quát đến chuyên sâu của các hệ thống: hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, tim mạch. Đồng thời, vận dụng các phương pháp khám cận lâm sàng phù hợp để chẩn đoán bệnh.

47. Bệnh chó mèo (AS2222)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về đặc điểm sinh học của chó mèo, phương pháp khám bệnh cho chó mèo (phương pháp kiểm tra cận lâm sàng, phương pháp kiểm tra lâm sàng), bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa của chó mèo và phẫu thuật ngoại khoa cho chó mèo. Đồng thời, thực hành trong điều trị bệnh chó mèo.

48. Chăn nuôi động vật hoang dã (AS2211)

Học phần giúp sinh viên có kiến thức đại cương về một số giống nuôi hoang dã đang phổ biến hiện nay. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được kiến thức về kỹ thuật nuôi, phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở cá sấu, ba ba, rắn, nhím.

49. Chăn nuôi thỏ (AS2212)

Nội dung học phần tập trung vào các nội dung về giới thiệu các giống thỏ được nuôi phổ biến hiện nay, về dinh dưỡng và thức ăn, cách thiết kế xây dựng chuồng trại, kỹ thuật nuôi dưỡng cũng như công tác phòng, trị bệnh cho thỏ.

50. Bệnh ký sinh vật nuôi (AS2215)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ký sinh trùng học đại cương và ký sinh trùng học chuyên khoa. Phần ký sinh trùng đại cương, sinh viên được học các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng, tương tác giữa ký chủ và ký sinh vật, miễn dịch ký sinh trùng. Phần ký sinh trùng chuyên khoa, sinh viên học các bệnh do nội ký sinh trùng (do sán lá, sán dây và giun tròn), ngoại ký sinh trùng (lóp côn trùng, ve bét) và protozoa gây ra.

51. Nội khoa (AS2216)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về các bệnh xảy ra ở các cơ quan bên trong của cơ thể động vật và không truyền lây. Các nội dung mà học phần này đề cập đến ở mỗi bệnh bao gồm: Nguyên nhân gây bệnh, cơ chế bệnh, phương pháp chẩn đoán, các triệu chứng của bệnh, tiên lượng bệnh, phương pháp phòng và điều trị bệnh.

52. Ngoại khoa (AS2217)

Giới thiệu làm quen với các dụng cụ ngoại khoa, ứng dụng các phương pháp khử trùng trên dụng cụ, con vật, người mổ, và các đối tượng có liên quan khác, ý nghĩa của sự chảy máu và các phương pháp cầm máu, ý nghĩa của việc gây mê, một số thuốc mê dùng trên gia súc và các phương pháp gây mê, các trường hợp nhiễm trùng và phương pháp xử lý, vết thương và phương pháp cắt mô giải phẫu.

53. Khuyến nông (AS2218)

Giúp cho sinh viên có kiến thức về sự phát triển, tổng quan về khuyến nông Việt Nam. Qua đó, sinh viên hiểu được đặc điểm của nông dân, các phương pháp giảng dạy trong công tác khuyến nông. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có thêm nhiều kỹ năng truyền đạt, kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống cho phù hợp nhất đặc biệt đối với nông

dân lớn tuổi.

54. Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (AS2220)

Học phần giới thiệu cách chẩn đoán phân biệt và xác định chính xác các bệnh trên phủ tạng, hạch lâm ba liên quan đến bệnh trên quây thịt. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên có kiến thức và thao tác thực tế trong chẩn đoán phân biệt các bệnh nghề nghiệp, bệnh động vật lây sang người, bệnh truyền nhiễm trên động vật và các bệnh thường gặp trên gia súc gia cầm. Nắm vững luật thú y trong xử lý khi kiểm soát sát sinh và kiểm dịch động vật.

55. Bệnh dinh dưỡng (AS2223)

Học phần này trình bày các khái niệm về bệnh dinh dưỡng, nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, cách chẩn đoán, phương pháp điều trị và cách phòng bệnh. Bên cạnh đó, người học cũng biết được sự quan trọng trong quản lý, các rối loạn do trao đổi chất và các yếu tố vật lý gây bệnh trên vật nuôi. Cuối cùng, sinh viên nắm được các hợp chất thứ cấp, độc chất và nấm mốc có trong thực vật, động vật và trong các thức ăn khác làm con vật ăn phải gây ngộ độc.

56. Công nghệ sinh học chăn nuôi thú y (AS2224)

Học phần giúp người học nắm được những ứng dụng kỹ thuật, thành tựu mới trong lĩnh vực CNSH, hiểu được vai trò của DNA tái tổ hợp, công nghệ vắc xin, ứng dụng của enzyme trong CNTY. Đồng thời, hiểu được các phương pháp chẩn đoán bệnh, tìm ra các yếu tố gây bệnh tiềm ẩn trong giống vật nuôi. Bên cạnh đó, trang bị nhiều kiến thức mới về ứng dụng CNSH để cải thiện khả năng sản xuất, sinh sản của vật nuôi cũng như cập nhật các thành tựu mới về công nghệ vắc xin, công nghệ chuyển gen trong sản xuất thuốc thú y.

57. Vắc xin và chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh vật nuôi (AS2225)

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các loại vắc xin, cách sử dụng vắc xin trong việc phòng bệnh và các chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Các kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập học phần này sẽ giúp sinh viên làm quen với bản chất của hệ thống miễn dịch cơ thể và hiểu rõ hơn tầm quan trọng của vaccine và các chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh.

58. Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu (AS2300)

Giúp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về dữ liệu sinh học, các dạng phân bố chính của dữ liệu, cách thu thập, sắp xếp và trình bày các dữ liệu, các phương pháp ước lượng tham số thống kê và kiểm định giả thiết thống kê. Biết cách phân tích mối tương quan giữa hai đại lượng ngẫu nhiên, biết cách tìm hệ số tương quan của hai đại lượng ngẫu nhiên, lập được phương trình hồi quy.

59. Xây dựng chuồng trại (AS2301)

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về chuồng trại, những yếu tố môi trường ảnh hưởng đến vật nuôi, các nguyên vật liệu để xây dựng chuồng trại, các thành phần của một chuồng trại để thiết kế và xây dựng chuồng trại chăn nuôi phù hợp với từng đối tượng vật nuôi.

60. Luật Chăn nuôi - Thú y (AS2302)

Học phần này bao gồm 2 nội dung chính: Phần Thú y: Giới thiệu về tổ chức thú y

thế giới (OIE), cơ cấu tổ chức ngành thú y từ trung ương tới địa phương. Giới thiệu hệ thống văn bản pháp luật về thú y và một số công ước quốc tế mà Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã tham gia. Phần Chăn nuôi: Giới thiệu về hệ thống quản lý trong chăn nuôi. Giới thiệu về Luật Chăn nuôi và những văn bản hiện hành về lĩnh vực chăn nuôi; giới thiệu qui trình đăng ký sản xuất, kinh doanh và qui định về nhãn hàng hóa.

61. Quản lý sản xuất chăn nuôi (AS2303)

Học phần giới thiệu về đặc điểm của sản xuất chăn nuôi, bộ máy tổ chức quản lý sản xuất chăn nuôi và sử dụng nguồn nhân lực, lập kế hoạch sản xuất chăn nuôi, tổ chức hoạt động quản lý sản xuất chăn nuôi. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên lập kế hoạch sản xuất cũng như sử dụng được nguồn lao động trong sản xuất chăn nuôi.

62. Kỹ năng mềm (AS2304)

Học phần Kỹ năng mềm cung cấp các kiến thức và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.

63. Biến đổi khí hậu trong chăn nuôi (AS2305)

Học phần giới thiệu khái quát về biến đổi khí hậu lý thuyết cũng như thực tiễn, cung cấp kiến thức cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về biến đổi khí hậu và những hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi.

64. Marketing trong nông nghiệp (AS2306)

Những nội dung chính của chương trình: đặc điểm của sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng đến chiến lược hay kế hoạch marketing, phân tích thực trạng ngành hàng hay sản phẩm bao gồm phân tích hành vi của người tiêu dùng và phân khúc thị trường của ngành hàng nông nghiệp, phân tích hành vi sản xuất của nông hộ hay doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nông nghiệp (chiến lược sản phẩm, chiến lược phân phối, chiến lược giá và chiến lược chiêu thị), thông qua sử dụng công cụ SWOT.

65. Trồng trọt đại cương (AS2307)

Học phần nhằm cung cấp những kiến thức tổng quát về trồng trọt như đất đai, nước, dinh dưỡng, chọn giống, gieo trồng và bảo vệ cây trồng... từ đó sinh viên hiểu được vai trò của các yếu tố này đối với sinh trưởng, năng suất và phẩm chất của cây trồng và đánh giá vị trí của ngành này trong mối quan hệ tổng thể với các ngành khác trong nông nghiệp như Chăn nuôi, Thủy sản, Môi trường, Kinh tế nông nghiệp.

66. Ngư nghiệp đại cương (AS2308)

Học phần Ngư nghiệp đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: (1) Tổng quan nghề cá, lịch sử và xu thế phát triển của nghề cá trên thế giới, ở Việt Nam và Đồng bằng sông Cửu Long; (2) Các định nghĩa, khái niệm cơ bản về môi trường nước nuôi thủy sản, về nuôi trồng thủy sản; (3) Tính chất của môi trường nước nuôi thủy sản; (4) Những nguyên lý căn bản trong nuôi trồng thủy sản; (5) Vấn đề về bệnh trên động vật thủy sản; (6) Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (7) Giới thiệu một số mô hình nuôi thủy sản phổ biến ở ĐBSCL.

67. Ứng dụng GIS và viễn thám trong nông nghiệp (AS2309)

Ứng dụng GIS và viễn thám trong nông nghiệp có thể được hiểu như là một công

nghệ xử lý các dữ liệu có tọa độ không gian (bản đồ) với các dạng dữ liệu nông nghiệp khác nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản lý. Vì vậy, học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản bao gồm phương pháp thu thập dữ liệu địa không gian; phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu liên kết; phương pháp phân tích và trình bày dữ liệu địa không gian phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp.

68. Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án (AS2310)

Nội dung học phần tập trung vào những kiến thức cơ bản gồm: Giới thiệu môn học, một số khái niệm liên quan đến dự án, chu trình dự án, các khía cạnh của dự án, sự tham gia của người dân trong phân tích dự án; Khái niệm, đặc điểm, kế hoạch, các bên liên quan dự án, phân tích vấn đề, phân tích mục tiêu; Phân tích dự án và thẩm định dự án; Tổ chức bộ máy thực hiện dự án, vai trò của các tổ chức cộng đồng trong thực hiện dự án, lập kế hoạch thực hiện dự án, quản lý thực hiện dự án, kết thúc dự án, các yếu tố thành công trong dự án; Giới thiệu, giám sát dự án, đánh giá dự án, tổ chức đánh giá dự án nông nghiệp, nông thôn.

69. Khóa luận tốt nghiệp (AS2400)

Học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học và một số kỹ năng để thực hiện được một nghiên cứu khoa học về lĩnh vực chăn nuôi hoặc thú y thông qua việc làm đề cương nghiên cứu, bố trí thí nghiệm, thu thập và phân tích số liệu, viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học theo hình thức khóa luận tốt nghiệp.

70. Tiểu luận tốt nghiệp (AS2401)

Học phần này sinh viên thực tập thực tế 180 giờ tại các trang trại chăn nuôi, cơ sở kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi thú y, phòng mạch thú y. Trong thời gian này sinh viên tham gia chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi; chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh trên vật nuôi tại cơ sở thực tập. Qua đó, sinh viên cũng thực hiện nghiên cứu khoa học, viết và trình bày báo cáo khoa học theo hình thức tiểu luận tốt nghiệp.

71. Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành (AS2402)

Học phần bao gồm những kiến thức về các hoạt động sinh lý ở các cơ quan trong cơ thể động vật, sự tiêu hoá và hấp thu các chất như: protein, carbohydrate, chất béo, khoáng và các acid amin, mức tiêu hoá và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của vi sinh vật.

72. Tổng hợp kiến thức chuyên ngành (AS2403)

Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ thuật chăn nuôi và cách vệ sinh phòng bệnh cho gia cầm, gia súc nhai lại và heo trong tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, trong nước và thế giới.

73. Thực tập tốt nghiệp (AS2404)

Sinh viên thực tập tốt nghiệp 180 giờ về quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi tại các trại chăn nuôi; Phòng và điều trị bệnh cho thú cưng tại phòng mạch thú y, bệnh xá thú y, bệnh viện thú y; Điều tra tình hình dịch bệnh truyền nhiễm tại các trạm thú y, chi cục chăn nuôi thú y; Thực tập các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Chăn nuôi - thú y tại các công ty, doanh nghiệp tư nhân và cơ quan nhà nước.

74. Độc chất học thú y (AS2405)

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản như các khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính của chất độc, động lực học, cơ chế tác động; độc chất học chuyên

khoa giới thiệu chất độc tác động lên các hệ thống thần kinh, gan, mật, thận, tiêu hóa, hô hấp, sinh sản, tim mạch,... Từ đó, giúp sinh viên hiểu rõ về chất độc, tác động của chúng như thế nào trên cơ thể gia súc, cách chẩn đoán, phát hiện và can thiệp khi gia súc bị nhiễm độc.

75. Chăn nuôi dê (AS2406)

Học phần giúp sinh viên có kiến thức về nguồn gốc, phân loại và một số đặc điểm sinh học chính của dê; Đặc điểm cấu tạo và hoạt động sinh lý của một số cơ quan ở dê; Công tác giống trong chăn nuôi dê; Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn cho dê; Kỹ thuật chăn nuôi dê. Các phương thức chăn nuôi dê và công tác quản lý đàn dê; Công tác thú y trong chăn nuôi dê.

76. Hệ thống chăn nuôi (AS2407)

Học phần này trình bày về vị trí và tầm quan trọng của hệ thống chăn nuôi, những đặc điểm của loài gia súc liên quan đến sản xuất trong hệ thống nông nghiệp, những hệ thống chăn nuôi quảng canh với đầu tư và thu nhập thấp (Các hệ thống chăn nuôi ở các vùng đất nông nghiệp khác nhau), những hệ thống chăn nuôi thâm canh với đầu tư cao (Các mô hình chăn nuôi bền vững trong hệ thống VAC) và hệ thống chăn nuôi các động vật nhỏ.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

HỌC KỲ 1

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS2001	Triết học Mác - Lênin	3		45	
2	SS0010	Tin học căn bản	3		30	30
3	SS0011	Tiếng Anh căn bản 1	3		45	
4	SS0014	Pháp luật đại cương	2		30	
5	SS2006	Sinh học đại cương	3		30	30
6	SS0030	Giáo dục thể chất 1 (**)	1			30
7	SS0016	Tâm lý học đại cương (*)		2	30	
8	SS2008	Toán cao cấp (*)		2	30	
Tổng số tín chỉ: 17 (Bắt buộc: 14, Tự chọn: 2, Điều kiện: 1)						

HỌC KỲ 2

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS0030	Giáo dục thể chất 2 (**)	1			30
2	SS0030	Giáo dục thể chất 3 - Bơi lội (**)	1			30
3	SS0031	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (**)	11			265
4	SS2002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		30	
5	SS0012	Tiếng Anh căn bản 2	3		45	
6	AS2100	Cơ thể học động vật	2		20	20
7	AS2103	Vì sinh Chăn nuôi - Thú y	2		20	20
8	AS2107	Di truyền học động vật	2		20	20
9	SS2009	Xác suất thống kê (*)		2	30	
10	SS2010	Vật lý đại cương (*)		2	20	20
11	SS2011	Kinh tế học đại cương (*)		2	30	
12	SS2012	Hóa học đại cương (*)		2	20	20

Tổng số tín chỉ: 28 (Bắt buộc: 11, Tự chọn: 4, Điều kiện: 13)

HỌC KỲ 3

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		30	
2	SS0013	Tiếng Anh căn bản 3	3		45	
3	AS2101	Dinh dưỡng động vật	2		20	20
4	AS2102	Sinh lý động vật	2		20	20
5	AS2106	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	2		20	20
6	AS2109	Tổ chức học động vật (*)		2	20	20
7	AS2110	Động vật học (*)		2	20	20
8	AS2111	Sinh học phân tử (*)		2	20	20
9	AS2112	Hóa sinh động vật (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 15 (Bắt buộc: 11, Tự chọn: 4)						

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS0004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		30	
2	AS2108	Thức ăn chăn nuôi	2		20	20
3	SS0015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		30	
4	AS2104	Tiếng Anh chuyên ngành	2		30	
5	AS2105	Dược lý thú y	2		20	20
6	AS2204	Sản khoa và gieo tinh nhân tạo	3		30	30
7	AS2113	Vệ sinh môi trường chăn nuôi (*)		2	20	20
8	AS2114	Miễn dịch học (*)		2	20	20
9	AS2115	Dịch tễ học (*)		2	20	20
10	AS2116	Dược liệu thú y (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 17 (Bắt buộc: 13, Tự chọn: 4)						

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	SS2005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		30	
2	AS2200	Chăn nuôi gia cầm	3		30	30
3	AS2201	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3		30	30
4	AS2202	Chăn nuôi heo	3		30	30
5	AS2205	Thực tập tay nghề 1	2			90
6	AS2211	Chăn nuôi động vật hoang dã (*)		2	20	20
7	AS2212	Chăn nuôi thỏ (*)		2	20	20
8	AS2223	Bệnh dinh dưỡng (*)		2	20	20
9	AS2224	Công nghệ sinh học chăn nuôi thú y (*)		2	20	20

Tổng số tín chỉ: 17 (Bắt buộc: 13, Tự chọn: 4)

HỌC KỲ 6

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	AS2203	Bệnh truyền nhiễm thú y	2		20	20
2	AS2206	Thực tập tay nghề 2	4			180
3	AS2301	Xây dựng chuồng trại	2		20	20
4	AS2215	Bệnh ký sinh vật nuôi (*)		2	20	20
5	AS2216	Nội khoa (*)		2	20	20
6	AS2217	Ngoại khoa (*)		2	20	20
7	AS2218	Khuyến nông (*)		2	20	20
8	AS2220	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (*)		2	20	20
9	AS2225	Vắc xin và chế phẩm miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh vật nuôi (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 16 (Bắt buộc: 8, Tự chọn: 8)						

HỌC KỲ 7

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	AS2207	Thực tập tay nghề 3	3			135
2	AS2300	Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu	2		20	20
3	AS2221	Chẩn đoán thú y	2		20	20
4	AS2222	Bệnh chó mèo	2		20	20
5	AS2304	Kỹ năng mềm (*)		2	30	
6	AS2305	Biến đổi khí hậu trong chăn nuôi (*)		2	20	20
7	AS2306	Marketing trong nông nghiệp (*)		2	20	20
8	AS2307	Trồng trọt đại cương (*)		2	30	
9	AS2308	Ngư nghiệp đại cương (*)		2	30	
10	AS2309	Ứng dụng GIS & Viễn thám trong nông nghiệp (*)		2	30	
11	AS2310	Xây dựng, thẩm định và quản trị dự án (*)		2	30	

Tổng số tín chỉ: 15 (Bắt buộc: 9, Tự chọn: 6)

HỌC KỲ 8

STT	MSHP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		LT	TH
			Bắt buộc	Tự chọn		
1	AS2208	Tham quan thực tế Chăn nuôi - Thú y	2			60
2	AS2302	Luật Chăn nuôi - Thú y	2		20	20
3	AS2303	Quản lý sản xuất chăn nuôi	2		20	20
4	AS2400	Khóa luận tốt nghiệp (*)		10		450
5	AS2401	Tiểu luận tốt nghiệp (*)		4		180
6	AS2402	Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành (*)		3	45	
7	AS2403	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành (*)		3	45	
8	AS2404	Thực tập tốt nghiệp (*)		4		180
9	AS2405	Độc chất học thú y (*)		2	20	20
10	AS2406	Chăn nuôi dê (*)		2	20	20
11	AS2407	Hệ thống chăn nuôi (*)		2	20	20
Tổng số tín chỉ: 16 (Bắt buộc: 6, Tự chọn: 10)						

Ghi chú: - LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; TC: Tín chỉ.

- Học phần (*): Tự chọn; Học phần (**): Điều kiện bắt buộc phải có, nhưng không tính trong trung bình chung tích lũy.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Kim Xuân